

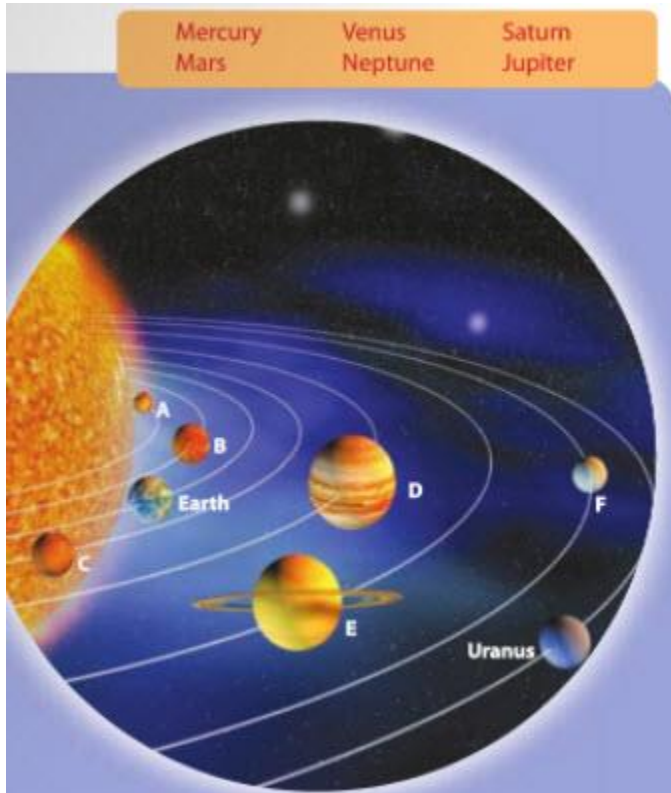
Tiếng Anh 8 Unit 12 A Closer Look 1

Unit 12 Anh 8: Life On Other Planets, trong nội dung A Closer Look 1 các em sẽ được bổ sung kiến thức về từ vựng và cách phát âm các từ kết thúc với *-ful*; *-less*. Dưới đây là nội dung chi tiết [giải Tiếng Anh 8](#)

Giải bài tập Tiếng Anh 8 Unit 12 A Closer Look 1

Vocabulary

1. Use the names of the planets in the box to label the diagram of the solar system.



Dịch

Sử dụng tên của những hành tinh trong khung để gọi tên hệ mặt trời.

Sao Thủy	Sao Kim
Sao Thổ	Sao Hỏa
Sao Hải Vương	Sao Mộc

Answer

A. Mercury

Tiếng Anh 8 Unit 12 A Closer Look 1

- B. Venus
- C. Mars
- D. Jupiter
- E. Saturn
- F. Neptune

2. Now scan the passage and check your answers.

Dịch

Bây giờ đọc lướt qua đoạn văn và kiểm tra câu trả lời của bạn.

Bài khóa Tiếng Anh 8 Unit 12 A Closer Look 1

Những hành tinh trong hệ mặt trời được gọi theo những vị thần La Mã. Sao Thủy là hành tinh nhỏ nhất và gần mặt trời nhất. Nó được gọi theo tên của thần Mercury La Mã, là người đưa tin tức nhanh như bay của những vị thần, bởi vì nó di chuyển rất nhanh. Sao Kim là hành tinh thứ hai của mặt trời. Nó được đặt theo tên của thần tình yêu và sắc đẹp La Mã. Sao Hỏa là hành tinh thứ tư của mặt trời và là hành tinh nhỏ thứ hai. Nó được gọi tên theo thần chiến tranh La Mã. Hành tinh thứ 5 từ mặt trời là sao Mộc. Nó cũng là hành tinh lớn nhất. Những người La Mã đặt nó theo tên của thần sấm chớp La Mã. Sao Thổ là hành tinh thứ 6 của mặt trời và là hành tinh lớn thứ hai. Nó được đặt theo tên của thần nông nghiệp La Mã. Sao Hải Vương là hành tinh thứ 8 của hệ mặt trời. Nó được đặt theo tên của thần biển La Mã.

3. Write the names of the planets that match the Roman Gods.

Dịch

Viết tên của các hành tinh mà nối với các vị Thần La Mã.

Thần biển

Thần nông

Thần chiến tranh

Thần sấm chớp

Thần tình yêu và sắc đẹp - thần Vệ Nữ

Answer

Tiếng Anh 8 Unit 12 A Closer Look 1

1. Neptune
2. Saturn
3. Mars
4. Jupiter
5. Venus

4.a Add suffixes -ful or -less to the words in the box. Note that some words can use either suffix.

Dịch

Thêm hậu tố -ful hoặc -less vào những từ trong khung. Lưu ý rằng vài từ có thể sử dụng cả hai hậu tố.

Answer

-full	-less
resourceful	resourceless
beautiful	weightless
wonderful	waterless
	airless

b. Now use the topic of space to make a sentence for each new word. Compare your sentences with a partner.

Dịch

Bây giờ sử dụng chủ đề không gian để đặt câu cho mỗi từ mới. So sánh với câu của bạn học.

Answer

- Earth looks beautiful from space.
- Venus is a dry and waterless planet.
- Everything is weightless in space.
- It's wonderful to see the earth from space.
- Mar is resourceful.

Tiếng Anh 8 Unit 12 A Closer Look 1

- The sun is the most weightful in solar system.
- A lot of planets are airless.

Tiếng Anh 8 Unit 12 A Closer Look 1 - Pronunciation

5. Put the stress in the correct place in the words. Then listen and check.

Audio

Dịch

Đặt trọng âm vào đúng chỗ trong những từ sau. Sau đó nghe và kiểm tra.

Answer

'thoughtless	'meaningful	'helpless
'meaningless	'helpful	'thoughtful
'useless	'plentiful	'useful

6. Read the following sentences and mark the stressed syllable on the words in italics. Then listen and repeat.

Audio

Dịch

Đọc những câu sau và đánh dấu trọng âm vào những âm tiết được nhấn ở những từ in nghiêng. Sau đó nghe và lặp lại.

1. Bài nói của cô ấy về môi trường thật ý nghĩa.
2. Giáo viên của tôi rất hay giúp đỡ khi chúng tôi không hiểu điều gì.
3. Tôi chẳng giúp gì được để ngăn con chó cắn.
4. Từ điển này rất hữu dụng.
5. Có nhiều nước cho sự sống trên Trái đất.

Answer

1. 'meaningful	4. 'useful
2. 'helpful	5. 'plentiful

[Tiếng Anh 8 Unit 12 A Closer Look 1](#)

3. helpless	
-------------	--

-/-

Trên đây là toàn bộ nội dung Giải bài tập Tiếng Anh 8 Unit 12 A Closer Look 1 - *Life On Other Planets* do Đọc tài liệu tổng hợp. Hi vọng sẽ giúp việc học Anh 8 của các em sẽ thú vị và dễ dàng hơn.